TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/DS-ST
Ngày: 06 - 6 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K TỈNH LONG AN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trình Văn Út.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Cao Ngọc Thạch.
Ông Phạm Minh Thành.
- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLST-DS ngày 27/02/2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXX-ST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Ngọc P, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Số 49, đường H, khu phố 3, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hùng M, sinh năm: 1974; Địa chỉ cư trú: Số 67, ấp 1, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (có mặt).

- *Bị đơn*: Vợ chồng ông Trần Văn Quyền S, sinh năm: 1973 và bà Trịnh Thị Thanh Tr, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú: Số 176, ấp G, xã B, huyện M, tỉnh Long An; Địa chỉ cư trú hiện tại: Số 07, đường H, khu phố 3, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An (bà Tr có mặt, ông S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Phan Ngọc P và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hùng M trình bày: Vào ngày 17/12/2017 bà P có cho vợ chồng ông Trần Văn Quyền S và bà Trịnh Thị Thanh Tr vay số tiền là 248.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 23/12/2017 trả gốc và lãi, mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng. Khi vay có làm biên nhận nợ, không cầm cố, thế chấp tài sản, từ khi vay đến nay ông S và

bà Tr chưa trả được khoản gốc, lãi nào. Số nợ này bà P đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông S và bà Tr thanh toán, nhưng vợ chồng ông S và bà Tr không thanh toán mà kéo dài đến nay. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông S và bà Tr trả số tiền gốc là 248.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất với mức 1,125%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 17/12/2017 đến ngày 06/6/2018 tổng cộng gốc, lãi được bao nhiêu yêu cầu vợ chồng ông S và bà Tr trả một lần trong thời gian sớm nhất. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Trịnh Thị Thanh Tr trình bày: Vợ chồng bà thừa nhận vào ngày 17/12/2017 có vay bà P số tiền là 248.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, khi vay có làm biên nhận nợ, không cầm cố, thế chấp tài sản, thời hạn vay đến ngày 23/12/2017 trả gốc và lãi, từ khi vay đến nay chưa trả được khoản gốc, lãi cho bà P. Nay bà P khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền gốc là 248.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất với mức 1,125%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 17/12/2017 đến ngày 06/6/2018 vợ chồng bà đồng ý trả. Nhưng yêu cầu bà P cho hẹn lại một thời gian nữa sẽ trả vì hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn không trả ngay cho bà P được.

Do hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Phan Ngọc P làm đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với vợ chồng ông Trần Văn Quyền S, sinh năm: 1973 và bà Trịnh Thị Thanh Tr, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú: Số 176, ấp G, xã B, huyện M, tỉnh Long An; Địa chỉ cư trú hiện nay: Số 07, đường H, khu phố 3, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là phù hợp với Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân thị xã K đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa đã tống đạt hợp lệ cho ông Trần Văn Quyền S theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng ông Trần Văn Quyền S không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và không tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Trần Văn Quyền S là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc P đối với vợ chồng ông Trần Văn Quyền S và bà Trịnh Thị Thanh Tr trả số tiền gốc là 248.000.000đ theo biên nhận nợ ngày 17/12/2017 và lãi suất với mức lãi 1,125%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 17/12/2017 đến ngày 06/6/2018 (cụ thể: 248.000.000đ x 1,125% x 5 tháng 20

ngày = 15.810.000đ). Tổng cộng gốc, lãi là 263.810.000đ yêu cầu trả một lần trong thời gian sớm nhất là hoàn toàn tự nguyện, có chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 93, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự và được bà Trịnh Thị Thanh Tr thừa nhận nợ, đồng ý trả nợ. Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc P đối với vợ chồng ông Trần Văn Quyền S và bà Trịnh Thị Thanh Tr. Xử buộc vợ chồng ông Trần Văn Quyền S và bà Trịnh Thị Thanh Tr phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Phan Ngọc P số tiền gốc, lãi tổng cộng là 263.810.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 và 466 của của Bộ luật dân sự.

[2] Đối với yêu cầu của bà Trịnh Thị Thanh Tr yêu cầu ông Lê Hùng M cho hẹn lại một thời gian nữa sẽ trả tất nợ 263.810.000đ cho bà P, vì hiện nay hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn không được ông M đồng ý, pháp luật không quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Vợ chồng ông Trần Văn Quyền S và bà Trịnh Thị Thanh Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc P đối với vợ chồng ông Trần Văn Quyền S và bà Trịnh Thị Thanh Tr.

Xử buộc vợ chồng ông Trần Văn Quyền S và bà Trịnh Thị Thanh Tr phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Phan Ngọc P số tiền gốc, lãi tổng cộng là 263.810.000đ (hai trăm sáu mươi ba triệu tám trăm mười ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc vợ chồng ông Trần Văn Quyền S và bà Trịnh Thị Thanh Tr phải chịu 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho bà Phan Ngọc P 6.305.000đ (sáu triệu ba trăm lẽ năm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006685 ngày 27/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông M, bà Tr báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bà Phan

Ngọc P và ông Trần Văn Quyền S được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trình Văn Út